

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 4955/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lượng
- Ông Huỳnh Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức** tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 903/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6533/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7473/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức H, sinh năm 1989, địa chỉ: Số B đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Giấy ủy quyền số 63/2024/UQ-LVS ngày 28/3/2024) (có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Đặng H1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà F Đường F, Khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 10/12/2019, ông H1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 10/12/2019, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng S1 Visa Platinum cho ông H1 với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng. Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi nhận thẻ thì ông H1 đã thực hiện các giao dịch. Từ ngày 26/10/2023 thì ông H1 không thanh toán bất cứ khoản vốn lãi nào cho Ngân hàng. Ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với số tiền 171.475.303 đồng, trong đó nợ gốc 164.907.819 đồng, lãi đến ngày 25/02/2024 là 6.657.484 đồng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Đăng H1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/02/2024 là 171.475.303 đồng, trong đó: Nợ gốc là 171.475.303 đồng. Ông Trần Đăng H1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Trần Đăng H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Lê Đức H đại diện có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Đăng H1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Đăng H1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 217.653.120đồng, trong đó nợ gốc 171.475.303đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 46.177.817đồng.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Đăng H1 hiện cư trú tại thành phố T, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Đăng H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Lê Đức H đại diện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngày 10/12/2019, ông Trần Đăng H1 có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với nội dung ông H1 đăng ký phát hành thẻ mới và ông H1 xác nhận đã đọc và ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Điều khoản, điều kiện cùng với Giấy đề nghị tạo thành Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông H1 và S1. Ngày 12/12/2019, Ngân hàng TMCP S đã duyệt hạn mức tín dụng 150.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng S1 Visa Platinum, số thẻ: 436438 - 8724 cho ông H1 với số tiền hạn mức 150.000.000đồng. Ông H1 đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cho Ngân hàng. Từ ngày 26/10/2023 đến nay, ông H1 đã không thanh toán bất cứ khoản gốc và lãi nào cho Ngân hàng. Như vậy, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đến ngày 08/02/2024, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và ngày 25/02/2024 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền nợ gốc là: 171.475.303đồng là phù hợp với Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Về tiền lãi, theo quy định tại mục 1.24 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì mức lãi suất mà S1 áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được S1 công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trong hạn 29,136%/năm và lãi quá hạn 43,704% là phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S1 và Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Như vậy, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 25/02/2024 đến ngày 30/9/2024 = 46.177.817 đồng.

Như vậy, tổng tiền gốc và lãi ông H1 còn nợ Ngân hàng TMCP S là 171.475.303đồng + 46.177.817 đồng = 217.653.120đồng.

Ông H1 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng ông H1 không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có yêu cầu gì trong vụ án.

Từ những phân tích ở trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Đăng H1 thanh toán số tiền 217.653.120đồng, trong đó nợ gốc là 171.475.303 đồng và nợ lãi là 46.177.817 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H1 còn phải chịu tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/12/2019 của ông Trần Đăng H1 được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 12/12/2019, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân

hàng TMCP S và Biểu phí trong từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Đăng H1 phải chịu trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP S.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật Phí, lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Ông Trần Đăng H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 217.653.120đồng, trong đó nợ gốc là 171.475.303 đồng và nợ lãi là 46.177.817 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2019 của ông Trần Đăng H1 được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 12/12/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Đăng H1 còn phải chịu tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2019 của ông Trần Đăng H1 được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 12/12/2019, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S và Biểu phí trong từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đăng H1 phải nộp số tiền 10.882.656đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.286.883 đồng theo Biên lai thu số 0026636 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh